CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn VNG

Ngày 30/06/2025	339,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-5.3%**	**-7.2%**

DT thuần
Q2/25
2,571
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 339| 15.2%
YoY: ▲ 516| 25.1%

LN thuần
Q2/25
90.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0| 94.0%
YoY: ▲ 347| 135%

LN sau thuế
Q2/25
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.5| 198%
YoY: ▲ 569| 103%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.9%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q2/25
-26.4%
YoY: +/-▲ 15.5%

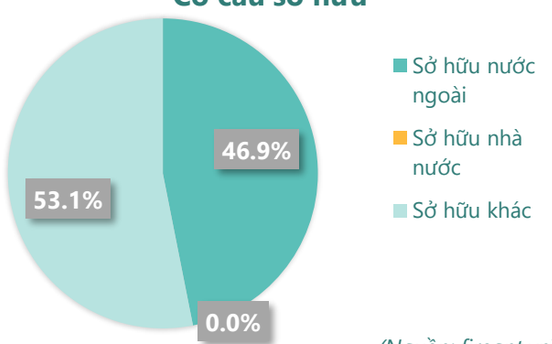
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	316,000 - 609,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,985
Số lượng CPLH (CP)	29,376,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,178
Sở hữu nước ngoài	46.9%
Beta	1.04
EPS	-12,929
P/E	-26.3

DT thuần
6T 2025
4,803
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 489| 11.3%

LN thuần
6T 2025
138
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 320| 176%

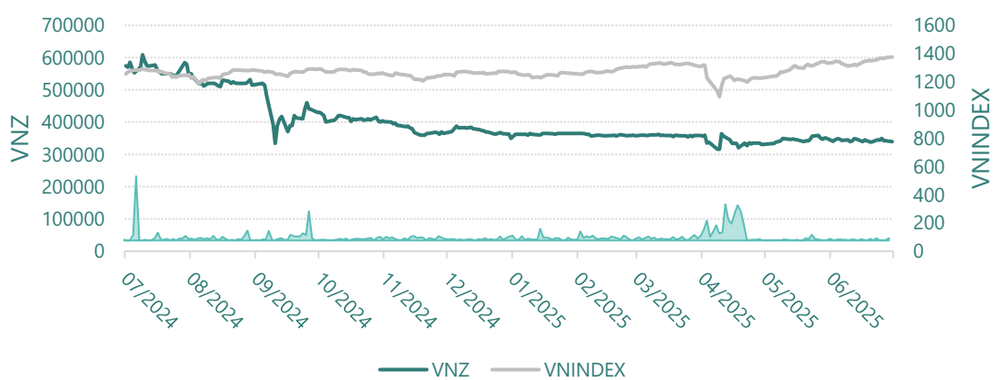
LN sau thuế
6T 2025
-0.30
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 586| 99.9%

Cơ cấu sở hữu

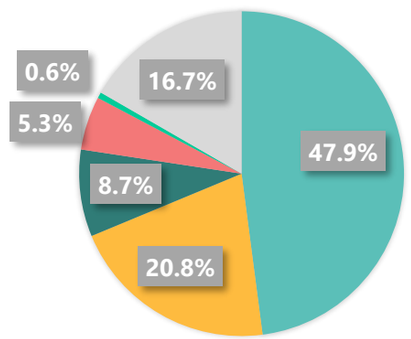


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



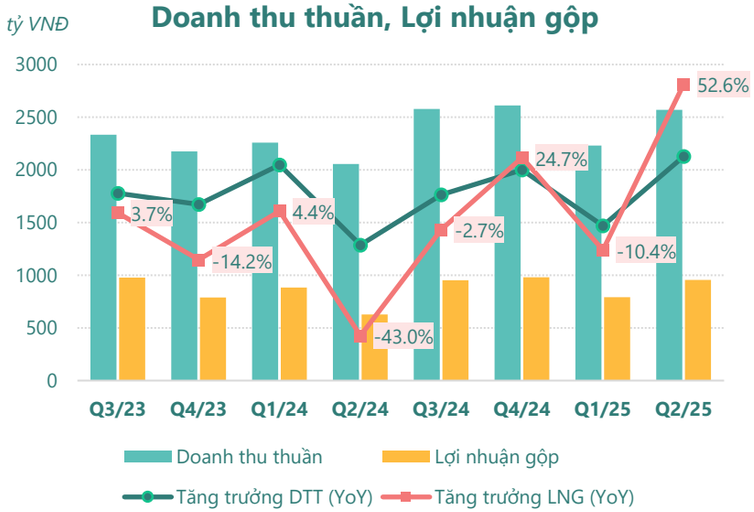
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

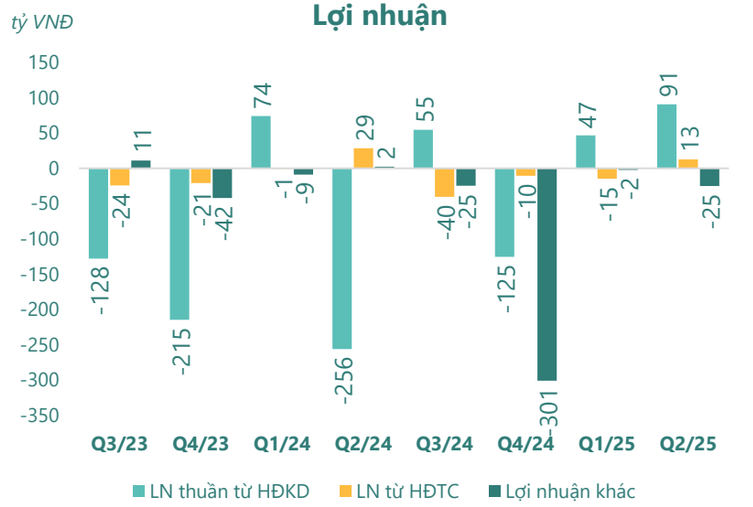
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



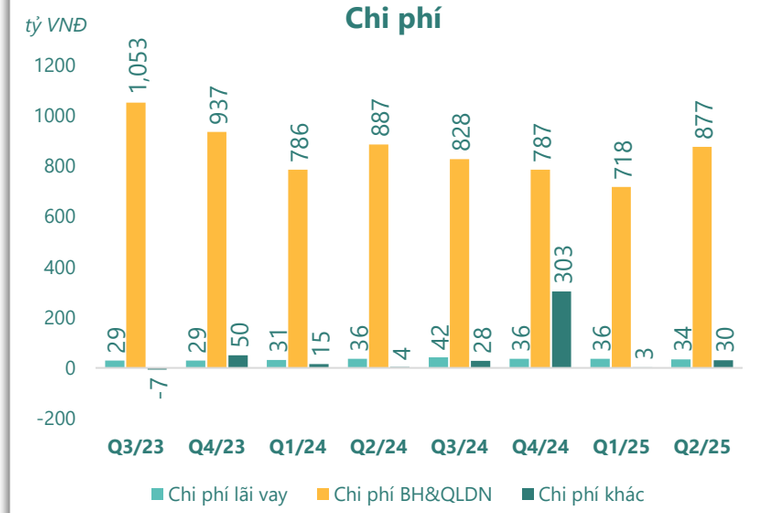
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



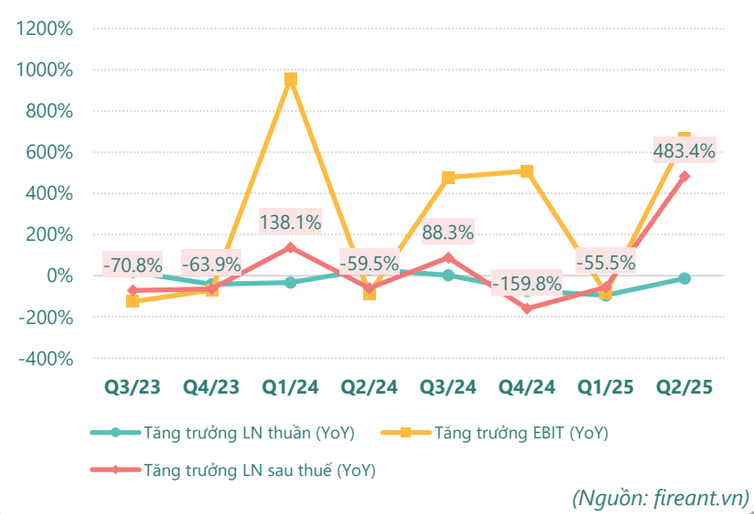
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



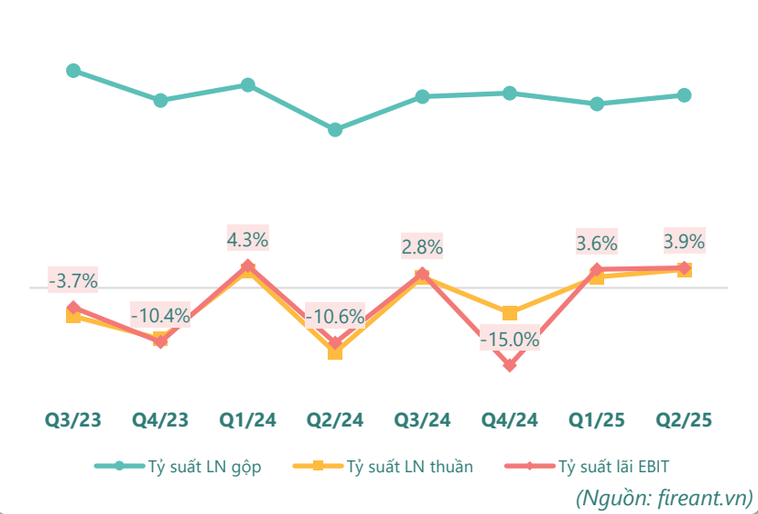
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



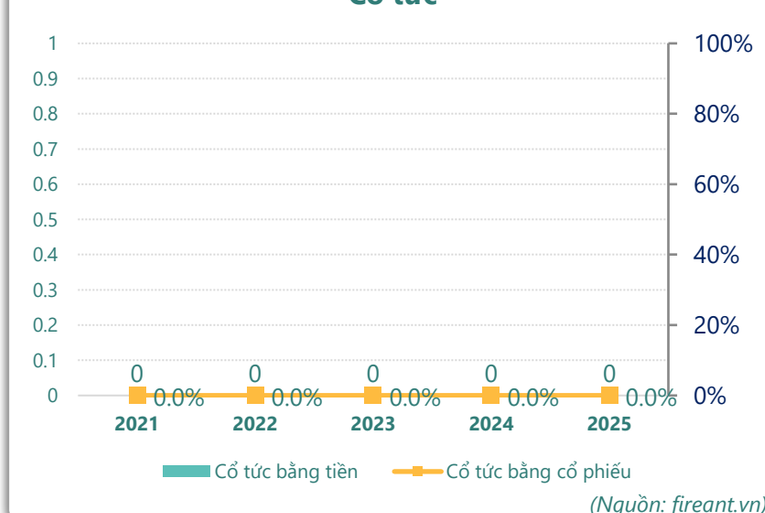
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

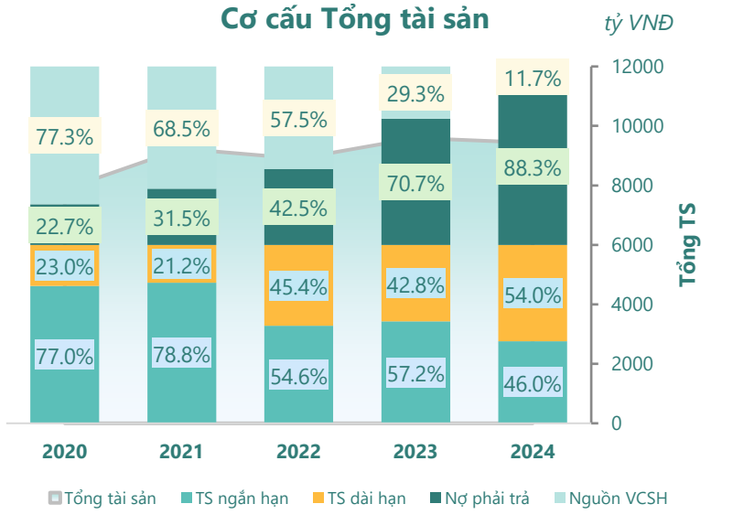
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

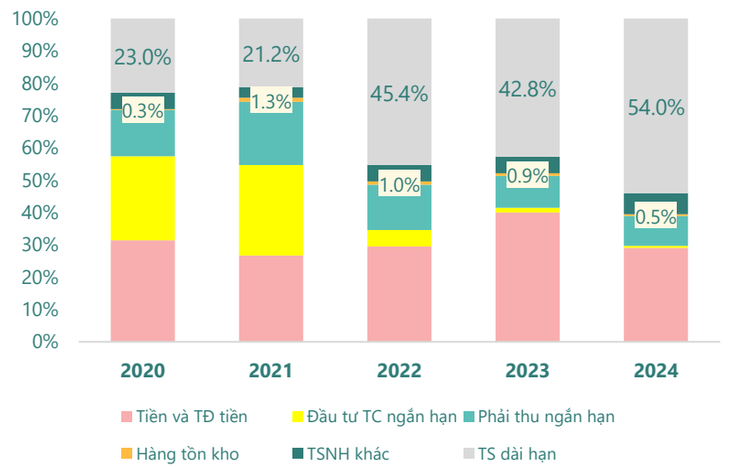
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



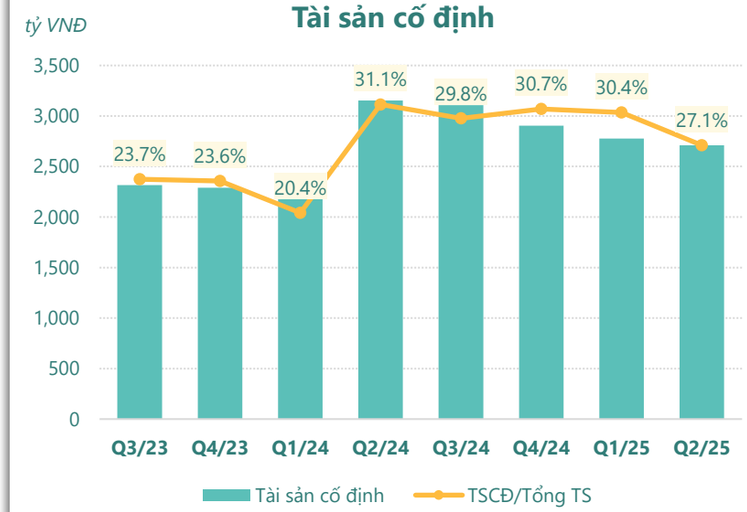
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



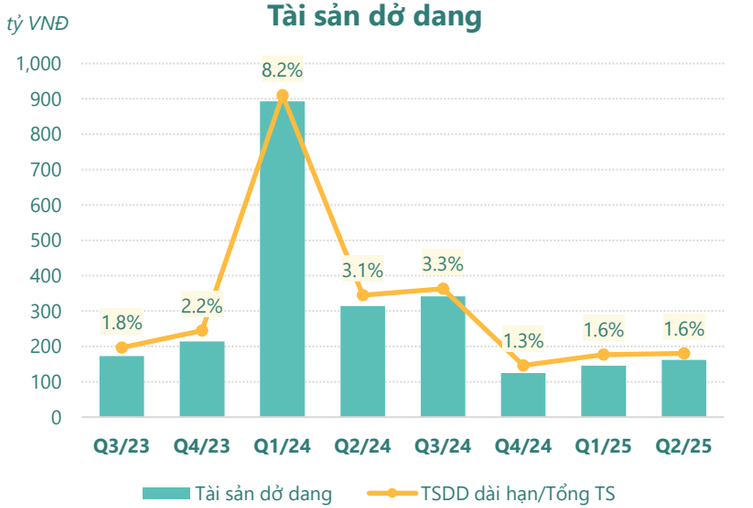
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



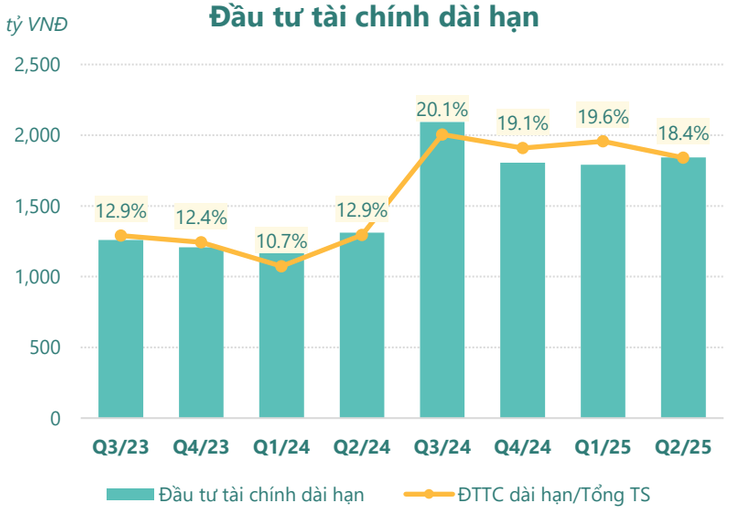
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



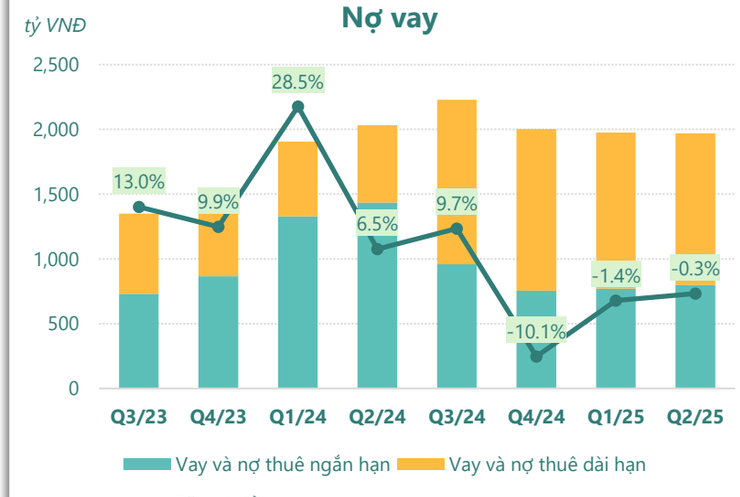
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

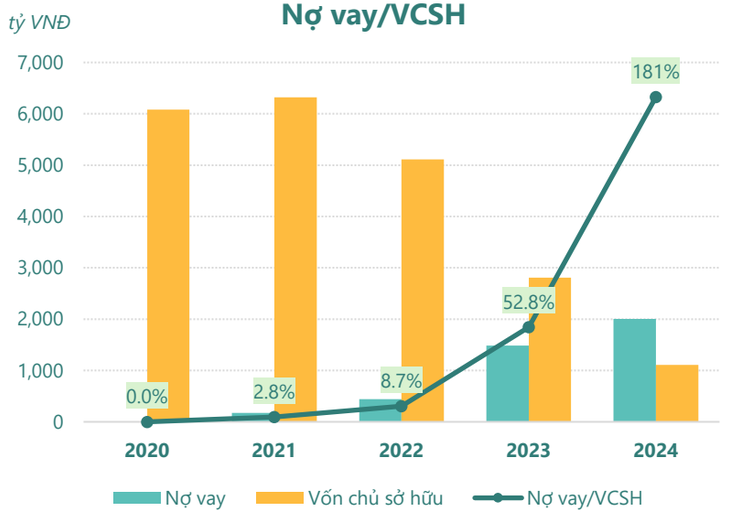
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

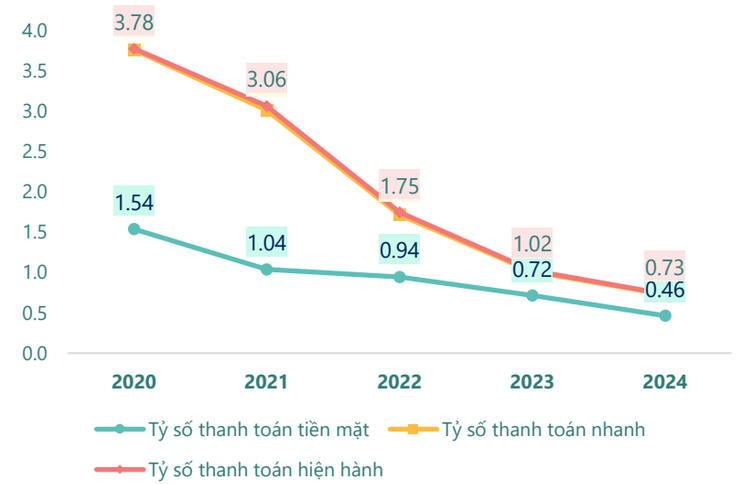
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



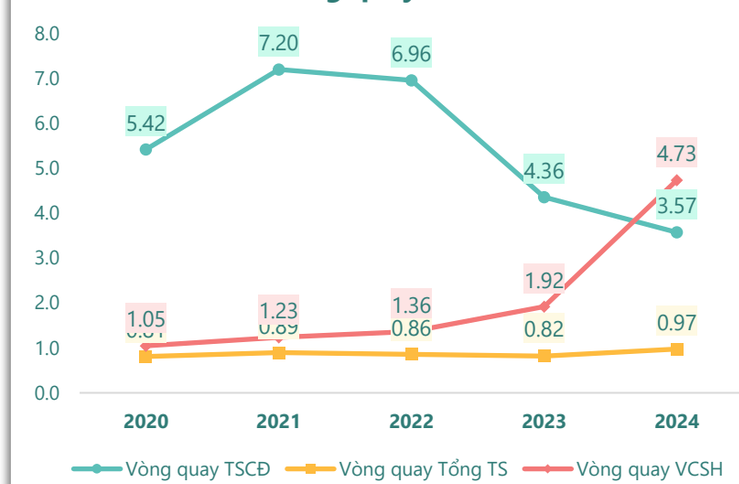
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



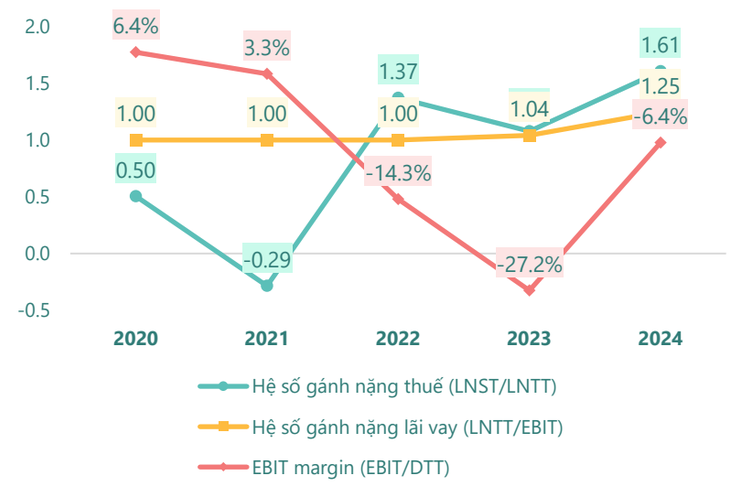
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



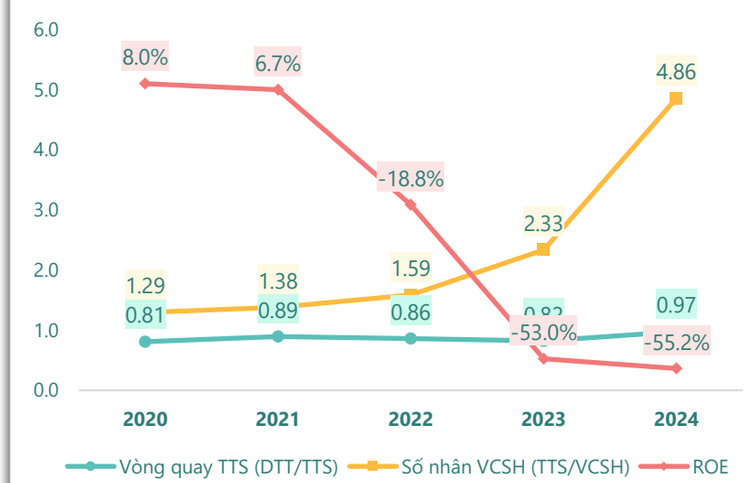
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



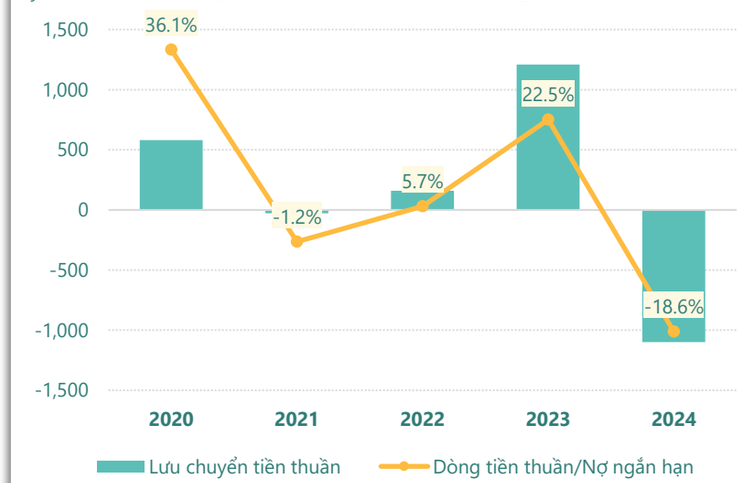
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,571**	**2,055**	**25.1%**	**4,803**	**4,314**	**11.3%**
Giá vốn hàng bán	1,615	1,428	13.1%	3,054	2,802	9.0%
Lợi nhuận gộp	956	627	52.5%	1,748	1,511	15.7%
Doanh thu HĐTC	68.2	67.2	1.6%	95.8	95.2	0.6%
Chi phí TC	55.4	38.6	43.5%	97.5	67.4	44.7%
Chi phí lãi vay	33.8	36.2	-6.6%	69.5	67.7	2.6%
LN trong công ty LKLD	**-1.19**	**-24.7**	**95.2%**	**-14.2**	**-47.7**	**70.2%**
Chi phí bán hàng	570	555	2.8%	1,012	1,040	-2.7%
Chi phí QLDN	**307**	**332**	**-7.6%**	**583**	**634**	**-7.9%**
LN thuần từ HĐKD	90.8	-256	135%	138	-182	176%
Lợi nhuận khác	**-24.9**	**2.32**	**-1174%**	**-27.2**	**-6.48**	**-320%**
LN trước thuế	65.9	-254	126%	110	-188	159%
Lợi nhuận sau thuế	**14.6**	**-554**	**103%**	**-0.30**	**-586**	**99.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.0**	**-528**	**105%**	**24.2**	**-514**	**105%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-304	73.3	1,099	-15.6	-68.3	741
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	472	-1,284	-1,728	-119	-117	-53.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	432	109	340	-225	-22.6	-14.9
Tiền đầu kỳ	3,838	4,441	3,341	3,055	2,743	2,538
Lưu chuyển tiền thuần	**600**	**-1,101**	**-289**	**-360**	**-208**	**672**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.92	1.06	3.24	-1.77	2.65	4.44
Tiền cuối kỳ	4,441	3,341	3,055	2,693	2,538	3,215

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,005**	**9,434**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	4,947	4,338	14.0%
Tiền và tương đương tiền	3,215	2,743	17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.3	60.0	-1.2%
Phải thu ngắn hạn	1,015	869	16.8%
Hàng tồn kho	42.3	47.1	-10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	616	619	-0.5%
Tài sản dài hạn	**5,058**	**5,096**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	44.1	13.6	225%
Tài sản cố định	2,710	2,904	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	162	124	30.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,842	1,799	2.4%
Tài sản dài hạn khác	**222**	**242**	**-8.0%**
Lợi thế thương mại	12.2	13.3	-7.8%
Nợ phải trả	8,809	8,326	5.8%
Nợ ngắn hạn	**6,261**	**5,916**	**5.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	798	755	5.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	565	615	-8.1%
Nợ dài hạn	2,548	2,410	5.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,169	1,249	-6.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,196**	**1,108**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,196**	**1,108**	**8.0%**
Vốn điều lệ	294	287	2.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)